BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

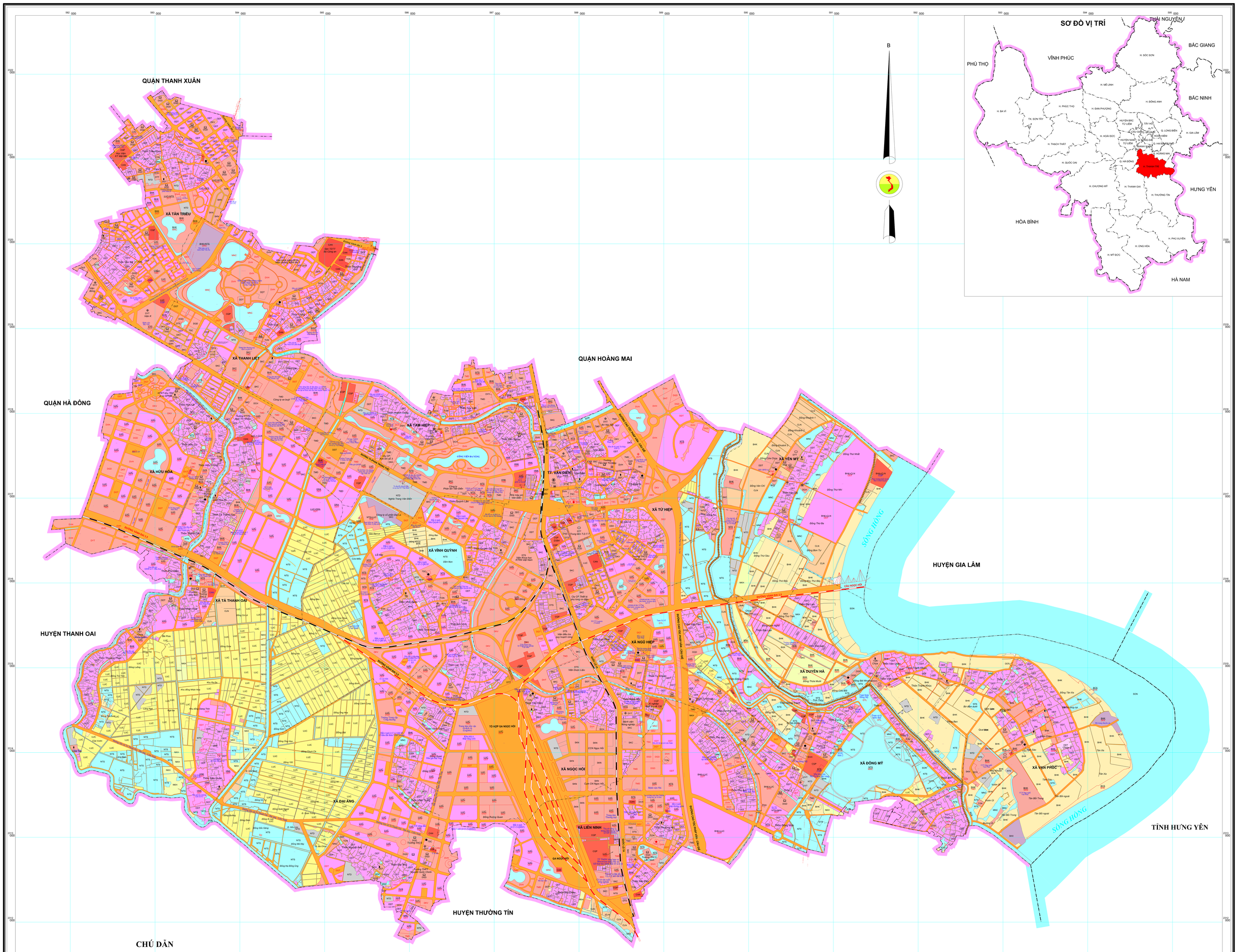

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH: CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH: CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	Mã HT LUC	Mã HT LUC
Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	Mã HT BHK	Mã HT BHK
Đất trồng cây lâu năm	CLN	Mã HT CLN	Mã HT CLN
Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	Mã HT NTS	Mã HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH	Mã HT NKH	Mã HT NKH
Đất quốc phòng	CQP	Mã HT CQP	Mã HT CQP
Đất an ninh	CAN	Mã HT CAN	Mã HT CAN
Đất khu công nghiệp	SKK	Mã HT SKK	Mã HT SKK
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	Mã HT TMD	Mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Mã HT SKC	Mã HT SKC
Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	Mã HT SKS	Mã HT SKS
Đất có di tích lịch sử - văn hoá	DDT	Mã HT DDT	Mã HT DDT
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	Mã HT DRA	Mã HT DRA
Đất ở tại đô thị	ODT	Mã HT ODT	Mã HT ODT
Đất ở tại nông thôn	ONT	Mã HT ONT	Mã HT ONT
Đất trụ sở cơ quan	TSC	Mã HT TSC	Mã HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	Mã HT DTS	Mã HT DTS
Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	Mã HT DGD	Mã HT DGD
Đất cơ sở y tế	DYT	Mã HT DYT	Mã HT DYT

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH: CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH: CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất cơ sở văn hoá	DVH	Mã HT DVH	Mã HT DVH
Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	Mã HT DTT	Mã HT DTT
Đất chợ	DCH	Mã HT DCH	Mã HT DCH
Đất công trình năng lượng	DNL	Mã HT DNL	Mã HT DNL
Đất bưu chính viễn thông	DBV	Mã HT DBV	Mã HT DBV
Đất giao thông	DGT	Mã HT DGT	Mã HT DGT
Đất thủy lợi	DTL	Mã HT DTL	Mã HT DTL
Đất tôn giáo	TON	Mã HT TON	Mã HT TON
Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	Mã HT NTD	Mã HT NTD
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	Mã HT SKX	Mã HT SKX
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	Mã HT DSH	Mã HT DSH
Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	Mã HT DKV	Mã HT DKV
Đất cơ sở tôn ngưỡng	TIN	Mã HT TIN	Mã HT TIN
Đất cơ sở tôn giáo	TON	Mã HT TON	Mã HT TON
Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	SON	Mã HT SON	Mã HT SON
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	Mã HT MNC	Mã HT MNC
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	Mã HT PNK	Mã HT PNK
Đất bằng chưa sử dụng	BCS		BCS Mã QH

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG - QUY HOẠCH: HIỆN TRẠNG	HIỆN TRẠNG - QUY HOẠCH: QUY HOẠCH
Địa giới hành chính thành phố		
Địa giới hành chính huyện		
Địa giới hành chính xã, thị trấn		
Ranh giới khoanh đất		
Đường sắt		
Quốc lộ	7	7
Đường tỉnh, thành phố		
Đường nội thành, nội thị		
Đường huyện		
Đường liên xã		
Cầu		
Hồ, ao, sông, suối		
Đê		
Kênh mương		
Đường điện cao thế		
	mã HT	mã HT mã QH; mã HT Mã KQH; DT

Khoanh đất thực hiện năm kế hoạch sử dụng đất
Năm ..-Năm kế hoạch
DT - Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG - QUY HOẠCH: HIỆN TRẠNG	HIỆN TRẠNG - QUY HOẠCH: QUY HOẠCH
Trụ sở UBND huyện		
Trụ sở UBND xã, thị trấn		
Đài tưởng niệm liệt sĩ		
Đình, chùa, miếu, đền		
Nhà thờ		
Đài phát thanh, truyền hình		
Sân vận động		
Trường học		
Bệnh viện, trạm y tế		
Bưu điện		
Trạm điện		
Bãi đỗ xe		
Điểm thu gom chất thải rắn		
Ghi chú	Trạm xử lý nước thải	Trạm xử lý nước thải

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 6,349,11 ha)

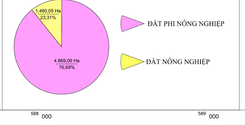

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Hà Nội, ngày ....tháng .....năm 202...	*Thanh Trì, ngày ....tháng .....năm 202...*	*Hà Nội, ngày ....tháng .....năm 202...*

NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ quy hoạch các phân khu S4; S5; G8; G9 (A); H2-3; H2-4;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Trì;
- Kết quả điều tra khảo sát thực địa năm 2021.

TỶ LỆ 1:10 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Công ty CP Tư vấn Dịch vụ Công nghệ Tài nguyên - Môi trường